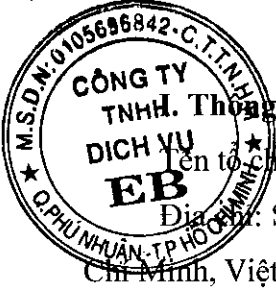


**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 15/EB/2018



**Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 02839958368 Fax: 02839958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: .....; Ngày cấp: .....; Nơi cấp: .....

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Phô mai lát Raclette Classique**

2. Thành phần: Sữa bò tiệt trùng, muối, sữa lên men, chất làm đông, chất bảo quản (phần vô): Natamycin (E235).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 55 ngày kể từ ngày sản xuất. Sử dụng tốt nhất trước ngày in trên bao bì sản phẩm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 400 g/ hộp

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đóng trong bao bì nhựa PE/ PP. Cam kết bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất tại: **Entremont Alliance (EMB 52332(B))**

Địa chỉ: 1 rue Anne-Marie Legros, ZI des Noels Montigny le Roi, 52140 Val de Meuse, France

Hoặc: **Entremont (EMB 22061 (L))**

Địa chỉ: Zone d'Activités de Goperen, 22110 GLOMEL, France

Ký tự (B hoặc L) kê bên hạn sử dụng tốt nhất chỉ ra nơi đóng gói sản phẩm.

Xuất xứ: Pháp

**III. Mẫu nhãn sản phẩm ( Nhãn chính và nhãn phụ sản phẩm đính kèm)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

+ Quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 (Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm).

+ QCVN 8-2:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỐT NGHIỆP NHÂN



**CLAUDE RETY**

Giám Đốc Phát Triển Ngành Hàng  
Business Development Director



## NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm: Phô mai lát Raclette Classique**

**Thành phần:** Sữa bò tiệt trùng, muối, sữa lên men, chất làm đông, chất bảo quản (phần vỏ):

**Thành phần phụ:** E235).

**Ngày sản xuất:** .../.../...

**Hạn sử dụng:** 55 ngày kể từ ngày sản xuất. Ngày hết hạn in trên bao bì sản phẩm.

**Khối lượng tịnh:** 400 g

**Hướng dẫn sử dụng:** Ăn ngay sau khi mở bao bì

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ từ +4 °C đến +8 °C.

Sản xuất tại: **Entremont Alliance (EMB 52332(B))**

Địa chỉ: 1 rue Anne-Marie Légros, ZI des Noels Montigny le Roi, 52140 Val de Meuse, France

Hoặc: **Entremont (EMB 22061 (L))**

Địa chỉ: Zone d'Activités de Goperen, 22110 GLOMEL, France

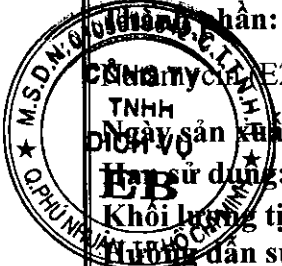
Ký tự (B hoặc L) kể bên hạn sử dụng tốt nhất chỉ ra nơi đóng gói sản phẩm.

Xuất xứ: Pháp

**Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về sản phẩm: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
EB**

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02839958368





NHÂN CHÍNH SẢN PHẨM



Raclette



CLASSIQUE

Lait origine  
FRANCE

Fabriqué en  
FRANCE

3i









**Radette au lait pasteurisé en tranches - Fromage à pâte pressée non cuite.**

**Ingredients :** Lait pasteurisé de vache, sel, ferments lactiques, coagulant microbien, conservateur (croûte) ; natamycine.

**Origine :** Cette radette est fabriquée en France à partir de lait d'origine France.

**Conservation :** À consommer de préférence avant la date indiquée sur le dessus de l'emballage. À conserver entre +4°C et +8°C. À consommer rapidement après ouverture. Conditionné sous atmosphère protectrice.

Nutrition - Valeurs moyennes pour :	100 g	6 tranches (environ 133 g)	%AR
Energie	1427 kJ 344 kcal	1898 kJ 458 kcal	23%
Matières grasses dont saturés	28 g 19 g	37 g 25 g	53% 126%
Protéines	23 g	31 g	61%
Sel	1,7 g	2,3 g	38%

Quantités négligeables de glucides et de sucres.

AR : Apports de Référence pour un adulte-type (8400 kJ/2000 kcal) par jour.

**Variez, équilibrez, bougez !**

74393



**EAN 31 x 12 mm  
3270190207702**

(L) = FR 22.061.015 CE

(B) = FR 52.332.001 CE

47390705

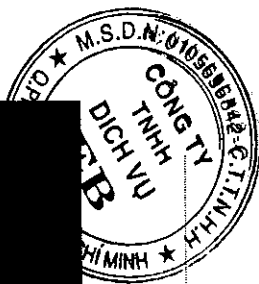
Conditionné en France par EMB 22061(L) ou par EMB 52332 (B) pour Interdis - TSA 91431 - 91343 MASSY Cedex - France. La lettre située à côté de la Date de Durabilité Minimale identifie le site de conditionnement.

09 69 39 7000

**400g e**

EMBALLAGE EN ALUMINIUM





3270190207702- BÀN DỊCH NHÂN TIẾNG VIỆT



# Phô mai Ractette CLASSIQUE

Sữa có nguồn gốc từ Pháp

Sản xuất tại Pháp

Sử dụng tốt nhất trước ngày/ số lô:

Gợi ý số phần

Cho 6 lần dùng  
(Khoảng 133g)



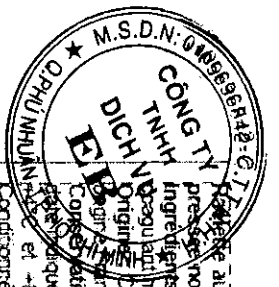
400g

Của RDI

Trong 100g

1427 kJ (344 kcal)





**Phô mai lát Raclette** en tranches - Fromage à pâte pressée non cuite.  
 Ingrédients : Lait pasteurisé de vache, sel, ferments lactiques (Lactobacillus bulgaricus, Streptococcus thermophilus, Lactococcus lactis), lactose, protéines de lactosérum, microbien, conservateur (croûtes), natamycine.  
 Origine : Cette recette est fabriquée en France à partir de lait français.  
 Conservation : À consommer de préférence avant le : voir la date indiquée sur le dessus de l'emballage. À conserver entre +5°C et +8°C. À consommer rapidement après ouverture. Conditonné sous atmosphère protectrice.

Nutrition - Valeurs moyennes pour :	100 g	6 tranches (environ 133 g)	%AR
Énergie	1427 kJ 344 kcal	1898 kJ 458 kcal	23%
Matières grasses dont satures	28 g 19 g	37 g 25 g	53% 126%
Protéines	23 g	31 g	81%
Sel	1,7 g	2,3 g	38%

Quantités négligeables de glucides et de sucres.  
 AR : Apports de Référence pour un adulte-type (8400 kJ/2000 kcal) par jour



**Variez, équilibrez, bougez !**  
74393

FR 22 051 015 CE (L) =  
 FR 52 332 501 CE (B) =  
 473930705  
 EAN 31 X 12 mm  
 3270190207702  
 4000g e  
 N° d'identification : 09 69 39 70000

Conditionné en France par EMB 2206 (L) ou par EMB 52332 (B) pour Interdis - TSA 91431 - 91343 MASSY Cedex - France.  
 La lettre située à côté de la Date de Durabilité Minimale identifie le site de conditionnement.

Phô mai lát Raclette sữa tiết trùng – phô mai nén và chưa nấu.  
**Thành phần:** Sữa bò tiết trùng, muối, sữa lên men, chất làm đông, chất bảo quản (phân vôi): Natamycin.

**Xuất xứ:** Phô mai Raclette được sản xuất tại Pháp với sữa có nguồn gốc từ Pháp.  
**Bảo quản:** Sử dụng tốt nhất trước ngày: xem ngày in phía trên cùng của bao bì.  
 Bảo quản ở nhiệt độ từ +4 °C đến +8 °C. Ăn ngay sau khi mở bao bì.  
 Được đóng gói trong môi trường có bảo hộ.

Dinh dưỡng - Giá trị trung bình trong:	100 g	6 phần (khoảng 133 g)	% RDI
Năng lượng	1427 kJ 344 kcal	1898 kJ 458 kcal	23 %
Chất béo bão hòa	28 g 19 g	37 g 25 g	53 % 126 %
Đường Carbohydrate	23 g	31 g	61 %
Đạm	1.7 g	2.3 g	38 %

Lượng đường và carbohydrate không đáng kể.  
 RDI: chỉ số tiêu thụ tham chiếu hàng ngày cho chế độ ăn trung bình của người lớn (8400 kJ/2000 kcal).

**Đa dạng, cân bằng, di chuyển!**  
 Đóng gói tại Pháp bởi EMB 22061 (L) hoặc EMB 52332(B) cho Interdis - TSA 91431 - 91343 Massy Cedex - France.  
 Ký tự kế bên ngày hạn sử dụng tốt nhất chỉ ra nơi đóng gói sản phẩm này.



Số: 1804577/KQKN  
Mã số: 1804135-8  
Trang 1 | 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**

Địa chỉ: 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Tên mẫu: **PHÔ MAI LÁT RACLETTE CLASSIQUE**

Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm, chứa trong bao bì kín, bảo quản lạnh

Ngày nhận mẫu: 18/04/2018 Thời gian thử nghiệm: 18/04 – 27/04/2018

Ngày trả kết quả: 27/04/2018

Kết quả: Xem trang 2/2

Ghi chú: (\*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2005  
KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện  
Chỉ tiêu 18-20 có ngưỡng phát hiện = 10CFU/g  
(a): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện

Phụ trách PTN



Nguyễn Kim Liễu



Nguyễn Thị Hồng

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc công ty TNHH DV KHCN Khuê Nam.



STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Năng lượng	Kcal/100g	363	Được tính từ protein, carbohydrate và lipid
02	Protein	%	22.5	AOAC 991.20(*)
03	Hàm lượng chất béo sữa	%	27.5	Ref. AOAC 948.22 (*)
04	Carbohydrate	%	6.29	TCVN 4594:1988(*)
05	Độ ẩm	%	39.7	TCVN 7729:2007
06	Hàm lượng NaCl	%	1.68	AOAC 937.09(*)
07	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 999.11(*)
08	Aflatoxin M1	µg/kg	KPH (LOD=0.01)	Ref. AOAC 986.16
09	Benzylpenicilin	µg/kg	KPH (LOD=4.0)	TCVN 8106:2009
10	Tetracyclin	µg/kg	KPH (LOD=100)	TCVN 8106:2009
11	Streptomycin	µg/kg	KPH (LOD=200)	TCVN 8106:2009
12	Gentamicin	µg/kg	KPH (LOD=200)	TCVN 8106:2009
13	Spiramycin	µg/kg	KPH (LOD=200)	TCVN 8106:2009
14	Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	Ref. AOAC 2007.01(a)
15	Aldrin và Dieldrin	mg/kg	KPH (LOD=0.006)	Ref. AOAC 2007.01(a)
16	DDT	mg/kg	KPH (LOD=0.02)	Ref. AOAC 2007.01(a)
17	Cyfluthrin	mg/kg	KPH (LOD=0.04)	Ref. AOAC 2007.01(a)
18	<i>Escherichia Coli</i>	CFU/g	Không phát hiện	ISO 16649-2:2001(*)
19	<i>Listeria monocytogens</i>	CFU/g	Không phát hiện	ISO 11290-2:2004
20	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	Không phát hiện	ISO 6888-1:2003(*)
21	Salmonella	/25g	Không phát hiện	ISO 6579:2007